

Số: 13/2026/QĐST-DS

Hưng Yên, ngày 06 tháng 4 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 27 tháng 3 năm 2026 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 101/2025/TLST-DS ngày 15 tháng 12 năm 2025 về việc “*Tranh chấp về thừa kế tài sản*”.

XÉT THẤY

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

* *Đồng nguyên đơn:*

1/ Ông Nguyễn Hữu B, SN 1961.

Nơi cư trú: Đ, thôn P, xã C, tỉnh Hưng Yên.

2/ Ông Nguyễn Hữu V, SN 1963.

Nơi cư trú: Đ, thôn D, xã C, tỉnh Hưng Yên.

* *Bị đơn:* Ông Nguyễn Hữu C, SN 1956.

Nơi cư trú: Đ, thôn D, xã C, tỉnh Hưng Yên.

* *Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/ Bà Nguyễn Thị L, SN 1955.

Nơi cư trú: Tổ dân phố I, phường P, thành phố Hà Nội;

2/ Bà Nguyễn Thị T, SN 1967.

Nơi cư trú: Tổ dân phố H, phường P, thành phố Hà Nội;

3/ Ông Nguyễn Hữu T1, SN 1968.

Nơi cư trú: Thôn N, xã C, tỉnh Hưng Yên;

4/ Bà Nguyễn Thị H, SN 1971.

Nơi cư trú: Thôn N, xã C, tỉnh Hưng Yên;

5/ Cụ Nguyễn Thị P, SN 1933.

Nơi cư trú: thôn D, xã C, tỉnh Hưng Yên.

6/ Anh Nguyễn Văn Đ, SN 1982.

Nơi cư trú: thôn D, xã C, tỉnh Hưng Yên.

* *Nguyên đơn ông B trình bày:*

Quan điểm của tôi là thửa đất số 6, số 7 tờ bản đồ số 18 có diện tích 715m² mang tên ông Nguyễn Hữu C đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X405792, vào sổ số 00536 được UBND huyện K cấp ngày 17/3/2004 có nguồn gốc đất là bố mẹ tôi cụ T2, cụ P để lại. Trước đây bố mẹ tôi đã lập các bản di chúc ngày 30/7/2007 có xác nhận của UBND xã Đ và biên bản họp gia đình 06/12/2009 có xác nhận của UBND xã Đ, các anh chị em chúng tôi đã ký kết trong biên bản thì tôi vẫn sẽ tôn trọng và thực hiện các văn bản này. Tôi hoàn toàn nhất trí với số liệu theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 13/01/2026 và bản đồ VLAP đã thể hiện diện tích thửa đất gia đình ông C, anh Đ hiện đang quản lý sử dụng là thửa số 55, tờ bản đồ số 23, diện tích 391,8m² (đo hiện trạng 395,3m²); phần diện tích đất mang tên tôi Nguyễn Hữu B là thửa số 56, tờ bản đồ số 23, diện tích 155,8m²; phần diện tích đất mang tên ông Nguyễn Hữu V là thửa số 57, tờ bản đồ số 23, diện tích 179,9m².

** Nguyên đơn ông V trình bày:*

Tôi cũng nhất trí và có cùng quan điểm với ông B, thửa đất số 6, số 7 tờ bản đồ số 18 có diện tích 715m² mang tên ông Nguyễn Hữu C đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X405792, vào sổ số 00536 được UBND huyện K cấp ngày 17/3/2004 có nguồn gốc đất là bố mẹ tôi cụ T2, cụ P để lại. Trước đây bố mẹ tôi đã lập các bản di chúc ngày 30/7/2007 có xác nhận của UBND xã Đ và biên bản họp gia đình 06/12/2009 có xác nhận của UBND xã Đ, các anh chị em chúng tôi đã ký kết trong biên bản thì tôi vẫn sẽ tôn trọng và thực hiện các văn bản này. Tôi hoàn toàn nhất trí với số liệu theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 13/01/2026 và bản đồ VLAP đã thể hiện diện tích thửa đất gia đình ông C, anh Đ hiện đang quản lý sử dụng là thửa số 55, tờ bản đồ số 23, diện tích 391,8m² (đo hiện trạng 395,3m²); phần diện tích đất mang tên ông Nguyễn Hữu B là thửa số 56, tờ bản đồ số 23, diện tích 155,8m², phần diện tích đất mang tên tôi Nguyễn Hữu V là thửa số 57, tờ bản đồ số 23, diện tích 179,9m².

** Bị đơn ông Công trình B1:*

Tôi nhất trí với quan điểm của nguyên đơn ông B, ông V. Thửa đất số 6, số 7 tờ bản đồ số 18 có diện tích 715m² mang tên ông Nguyễn Hữu C đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X405792, vào sổ số 00536 được UBND huyện K cấp ngày 17/3/2004 có nguồn gốc đất là bố mẹ tôi cụ T2, cụ P để lại. Trước đây bố mẹ tôi đã lập các bản di chúc ngày 30/7/2007 có xác nhận của UBND xã Đ và biên bản họp gia đình 06/12/2009 có xác nhận của UBND xã Đ, các anh chị em chúng tôi đã ký kết trong biên bản thì tôi vẫn sẽ tôn trọng và thực hiện các văn bản này. Tôi hoàn toàn nhất trí với số liệu theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 13/01/2026 và bản đồ VLAP đã thể hiện diện tích thửa đất gia đình tôi hiện đang quản lý sử dụng là thửa số 55, tờ bản đồ số 23, diện tích 391,8m² (đo hiện trạng 395,3m²); phần diện tích đất mang tên ông

Nguyễn Hữu B là thửa số 56, tờ bản đồ số 23, diện tích 155,8m², phần diện tích đất mang tên ông Nguyễn Hữu V là thửa số 57, tờ bản đồ số 23, diện tích 179,9m².

Các ông B, ông V, ông C đều trình bày quan điểm: Đối với phần đất nông nghiệp, ai đang sử dụng thì người đó tiếp tục quản lý, sử dụng, không có yêu cầu đề nghị gì.

2. Các bên đương sự (ông B, ông V và ông C) nhất trí, thống nhất, thỏa thuận các nội dung như sau:

2.1. Đối với quyền sử dụng đất ở theo bản đồ V, các bên đương sự thống nhất:

- Ông Nguyễn Hữu C được quyền sở hữu, quản lý, sử dụng đối với 391,8m² (đo hiện trạng 395,3m²) đất ở tại thửa số 55, tờ bản đồ số 23 tại thôn D, xã C, tỉnh Hưng Yên theo bản đồ VLAP. Ông C nhất trí để cho anh Nguyễn Hữu Đ1, SN 1982 (là con trai ông) đứng tên quản lý sử dụng đất theo quy định pháp luật.

- Ông Nguyễn Hữu B được quyền sở hữu, quản lý, sử dụng đối với 155,8m² đất ở tại thửa số 56, tờ bản đồ số 23 tại thôn D, xã C, tỉnh Hưng Yên theo bản đồ VLAP.

- Ông Nguyễn Hữu V được quyền sở hữu, quản lý, sử dụng đối với 179,9m² đất ở tại thửa số 57, tờ bản đồ số 23 tại thôn D, xã C, tỉnh Hưng Yên theo bản đồ VLAP.

Trên phần đất được sở hữu, quản lý, sử dụng có tài sản, công trình, cây cối...thì thuộc về người được giao đất.

(Có sơ đồ phân chia đất kèm theo)

Ông C (anh Đ1), ông B, ông V có trách nhiệm kê khai, đăng ký, làm thủ tục và thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định tại Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

2.2. Đối với phần đất nông nghiệp, ai đang sử dụng thì người đó tiếp tục quản lý, sử dụng, không có yêu cầu đề nghị gì.

2.3. Về án phí, chi phí tố tụng.

- Về chi phí tố tụng: Nguyên đơn ông Nguyễn Hữu B và ông Nguyễn Hữu V đã nộp đầy đủ cho đơn vị đo vẽ, tự nguyện chịu và thanh toán toàn bộ, không có ý kiến, đề nghị gì.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: các ông B, ông V và ông C đều là người cao tuổi, đã có đơn xin miễn án phí dân sự sơ thẩm nên miễn án phí dân sự sơ thẩm cho các ông B, V, C theo quy định pháp luật.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, điều 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hưng Yên;
- VKSNDKV3 Hưng Yên;
- Phòng THADSKV3 Hưng Yên;
- UBND xã Châu Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

THẨM PHÁN

Nguyễn Việt Cường